TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI * Số 196-BC/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 5 năm 2022*

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"

Thực hiện Công văn số 2543-CV/BTGTW ngày 08/3/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" *(sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW),* Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Tình hình triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết số 20

1. Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 20

Sau khi có Nghị quyết số 20-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị nghiên cứu, quán triệt đến các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ lãnh đạo, chủ chốt của các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, báo cáo viên Tỉnh ủy và các đồng chí nguyên là lãnh đạo của tỉnh qua các thời kỳ hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh, với 349 đồng chí tham dự, đạt 96% so với số lượng triệu tập; số lượng cán bộ chủ chốt cấp tỉnh chưa dự quán triệt, học tập tại Hội nghị này đã tham gia học tập, quán triệt ở hội nghị do cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị nghiên cứu chuyên sâu cho 150 cán bộ lãnh đạo tham mưu, quản lý nghiên cứu khoa học công nghệ, hội viên Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, đại diện đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh.

Ban Thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW cho cán bộ cấp mình và chỉ đạo cấp ủy cơ sở triển khai học tập. Đến cuối tháng 5/2013, đã tổ chức 505 lớp, với 48.146 người dự học, đạt 92,89% (huyện và tương đương có 8.411 người dự học, đạt 93%) so với số lượng triệu tập.

2. Công tác xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo thực hiện có liên quan

Trên cơ sở Hướng dẫn số 63-HD/BTGTW ngày 20/11/2012 của Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 10/01/2013, Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có Hướng dẫn số 63-HD/BTGTU ngày 16/01/2013 để triển khai thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy. Trên cơ sở đó, 19/19 huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn cấp ủy cơ sở ở cấp mình ban hành, triển khai và tổ chức thực hiện đúng tiến độ, nội dung, yêu cầu theo Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

Trên cơ sở Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây viết là Kết luận số 50-KL/TW), và các văn bản chỉ đạo có liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ, từ năm 2013 đến nay Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện của tỉnh; trong đó, có các văn bản quan trọng như: Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 10/01/2013, Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 40-CTr/TU); Kế hoạch số 223-KH/TU ngày 30/9/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 50-KL/TW (sau đây viết tắt là Kế hoạch số 223-KH/TU); Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và định mức xây dựng kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2835/KH-UBND ngày 29/7/2013 để cụ thể hóa thành từng nhóm nội dung, bao gồm: Xây dựng cơ chế chính sách; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp, y tế, tài nguyên và môi trường, thông tin truyền thông, văn hóa, du lịch, phát triển cơ sở hạ tầng về giao thông, đô thị.

Thực hiện Kế hoạch số 223-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 50-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp chính quyền địa phương, các ngành, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện nội dung Kết luận số 50-KL/TW, tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới; trong đó, tiếp tục tổ chức tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; rà soát, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính và doanh nghiệp, bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật về khoa học và công nghệ; cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế,

văn hóa - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế; khuyến khích phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

3. Công tác tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện thông tin, truyền thông đại chúng

Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi, Cổng thông tin điện tử các cấp, ngành và địa phương,… đã xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, đăng phát, chuyển tải nhiều thông tin phản ảnh kịp thời quá trình tổ chức học tập, quán triệt, kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW.

Đối với các văn bản của nhà nước, các chương trình khoa học và công nghệ, tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa các chương trình, kế hoạch thực hiện, tổ chức các hội nghị triển khai đến các nhà quản lý, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, các tổ chức, tổ chức chính trị - xã hội cũng hưởng ứng bằng việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến và tổ chức Hội nghị triển khai quán triệt Nghị quyết cho hội viên, đoàn viên các cấp; đồng thời, lồng ghép trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của hội, đoàn thể, các chương trình phối hợp, các phong trào thi đua và các cuộc vận động.

4. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương; cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt KH&CN) trong tình hình mới

Việc tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kết luận số 50-KL/TW, Chương trình hành động số 40-CTr/TU và Kế hoạch số 223-KH/TU được chỉ đạo thực hiện một cách sâu rộng, đồng bộ ở các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh. Thông qua việc học tập, tuyên truyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân đã nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc phát triển khoa học và công nghệ; mở rộng khả năng phát hiện và khai thác hiệu quả các nguồn lực, phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, làm tăng các yếu tố sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập; thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển bền vững góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết

1. Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của toàn xã hội đối với sự nghiệp phát triển KH&CN

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết số 20-NQ/TW: "Xác định việc phát huy và phát triển KH&CN là một nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng và chính quyền; là một trong những nội dung quan trọng của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền

từ Trung ương đến địa phương", các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ để phục vụ công tác, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và giải quyết các vấn đề bức xúc của địa phương. Nhiều đơn vị, địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cân đối kinh phí ngân sách, huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân để thực hiện việc chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất như các huyện: Ba Tơ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Lý Sơn, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi.

2. Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động KH&CN

2.1. Đổi mới cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính

Cơ chế quản lý, phương thức đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN đã được đổi mới theo hướng nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển KH&CN; đồng thời, chú trọng huy động nguồn lực của xã hội tham gia trong hoạt động KH&CN, đặc biệt là nguồn lực từ các tổ chức KH&CN và doanh nghiệp để hình thành mối liên kết triển khai các mô hình, dự án KH&CN theo chuỗi giá trị. Trong giai đoạn 2012 - 2021, nguồn kinh phí ngân sách chi cho sự nghiệp KH&CN là 206.307 triệu đồng và đã huy động nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân ngoài ngân sách tham gia là 296.878 triệu đồng.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN từng bước được hoàn thiện. Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản mới thay thế cho các quy định trước đây; đặc biệt, đã ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và định mức xây dựng kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về KH&CN từng bước được đổi mới, hiệu quả được nâng lên. Các chương trình, đề tài, dự án KH&CN đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chất lượng công trình nghiên cứu ngày càng nâng cao, tạo động lực cho sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Công tác quản lý công nghệ được triển khai thường xuyên; việc tổ chức thẩm định và tham gia ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư, kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ ngày càng được quan tâm, góp phần ngăn chặn công nghệ lạc hậu, công nghệ gây ô nhiễm môi trường nhập vào địa phương. Công tác bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ được chú trọng. Công tác quản lý an toàn và kiểm soát bức xạ được quan tâm; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực an toàn bức xạ

đến các tổ chức, cá nhân có liên quan. Công tác quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thực hiện có hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa; hạn chế hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng thiếu định lượng lưu thông trên địa bàn. Công tác thanh tra được tiến hành thường xuyên, đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KH&CN, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2.2. Đổi mới hệ thống tổ chức và cơ chế hoạt động của tổ chức KH&CN

Cùng với sự phát triển của tỉnh, số lượng và hình thức các tổ chức nghiên cứu ngày càng tăng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 15 đơn vị sự nghiệp và tổ chức KH&CN; trong đó, có 8 tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN. Từ năm 2013 đến nay, trên địa bàn tỉnh thành lập 06 doanh nghiệp KH&CN *(trong đó có 03 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, có 03 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp).* Các doanh nghiệp KH&CN đã đóng góp tích cực vào quá trình nghiên cứu, sản xuất những sản phẩm mới và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh, sản phẩm chủ lực địa phương.

Hiện tại ở tỉnh có 03 tổ chức KH&CN công lập. Chức năng chủ yếu của các tổ chức KH&CN công lập tập trung vào cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu và phục vụ công ích của Nhà nước. Hiện đang từng bước kiện toàn, đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân lực và kinh phí hoạt động dựa trên kết quả, hiệu quả hoạt động, hiện nay đã có 01/03 tổ chức KH&CN công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

Bên cạnh đó, việc tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh cũng được các trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, các tổ chức hoạt động KH&CN ngoài công lập hưởng ứng tích cực.

2.3. Đổi mới quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, cơ chế, chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ

Công tác xây dựng cơ chế, chính sách tuyển dụng, thu hút, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao được tỉnh quan tâm. Trong những năm gần đây, đội ngũ trí thức của tỉnh có sự phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có trình độ cao đẳng trở lên trên 40 ngàn người. Số cán bộ tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh năm 2020 là 1.502 người, trong đó tiến sỹ 25 người, thạc sỹ 396 người, đại học 858 người, cao đẳng 223 người; đạt 12 cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên 01 vạn dân.

Đội ngũ trí thức và lực lượng KH&CN đã có những đóng góp tích cực, phát huy tốt vai trò tham mưu hoạch định chính sách, củng cố hệ thống chính trị; là lực lượng nòng cốt trong hoạt động giáo dục, y tế, KH&CN, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự, an toàn xã hội.

2.4. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN

Bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN từng bước được kiện toàn theo hướng tinh gọn, tập trung, đồng bộ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Hiện nay, bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN cấp tỉnh đã được sắp xếp kiện toàn, tổ chức bộ máy Sở Khoa học và Công nghệ được thu gọn từ 6 phòng, 01 chi cục, 02 đơn vị sự nghiệp còn lại 04 phòng, 01 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý và người lao động thường xuyên được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, tham gia các hội nghị phổ biến pháp luật về KH&CN hàng năm để nâng cao năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2.5. Thực hành dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu và vai trò tư vấn, phản biện

Việc xét chọn và triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả, thanh quyết toán và chuyển giao ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN thực hiện khách quan, đúng quy định. Hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các hội đồng tư vấn KH&CN đảm bảo công khai, dân chủ, phát huy tính tự do sáng tạo của các cá nhân trong hoạt động nghiên cứu khoa học; đồng thời, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các địa phương, cơ quan, ban, ngành liên quan, đặc biệt là lấy ý kiến của đơn vị sử dụng và mời đại diện đơn vị sử dụng sản phẩm vào hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ tạo cơ sở để ứng dụng sản phẩm.

Hoạt động tư vấn, phản biện xã hội đối với các chủ trương, đề án lớn trên địa bàn đã được quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện, chất lượng ngày càng tốt hơn. Kết quả hoạt động tư vấn, phản biện đã được các ban, ngành của tỉnh và địa phương đánh giá cao, nhiều ý kiến phản biện có giá trị để lãnh đạo các cấp, các ngành nghiên cứu, sử dụng.

3. Kết quả triển khai các định hướng nhiệm vụ KH&CN chủ yếu

Trong 10 năm qua, đã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện 113 nhiệm vụ KH&CN *(trong đó, có 09 nhiệm vụ cấp bộ, 104 nhiệm vụ cấp tỉnh).* Các chương trình KH&CN bước đầu đã phát huy hiệu quả vào sản xuất và đời sống; một số kết quả chủ yếu như sau:

3.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Xác định rõ phục vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hàng đầu của hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN, từ năm 2013 đến nay đã triển khai thực hiện 70 nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển nông nghiệp toàn diện ở 03 lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.

- *Trong trồng trọt:* Nhiều đề tài, dự án KH&CN đã có những đóng góp lớn cho phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Việc áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến và đưa giống mới vào sản xuất thành công đã làm cho năng suất, sản lượng các loại cây trồng có bước tăng khá, được bà con nông dân hưởng ứng nhân rộng, như: Dự án Ứng dụng KH&CN phát triển cây ăn quả hàng hóa tại huyện Nghĩa Hành, từ việc thử nghiệm 45 ha ban đầu với 3 loại cây ăn quả *(sầu riêng hạt lép, bưởi da xanh, chôm chôm java)* đến nay đã phát triển trên 400 ha; Dự án sản xuất Hành tím theo tiêu chuẩn Vietgap tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn đạt năng suất 14 tấn/ha/năm; Dự án sản xuất lạc thương phẩm ở xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh năng suất vụ Hè Thu đạt 32 tạ/ha, vụ Đông Xuân đạt 38 tạ/ha; Dự án sản xuất lúa ở huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, nhiều mô hình năng suất đạt trên 65 tạ/ha;.... Đặc biệt, đã thực hiện thành công đề tài Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới *(QNg6, QNg13, QNg128)* ngắn ngày, có năng suất cao, chất lượng gạo tốt, khả năng kháng bệnh cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và biến đổi khí hậu để phục vụ sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh miền Trung.

- *Trong chăn nuôi:* Việc triển khai thực hiện các dự án ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển chăn nuôi bò ở thị xã Đức Phổ và các xã miền núi huyện Sơn Tịnh; cải tạo, phát triển đàn trâu ở các huyện: Minh Long, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành,… đã mang lại hiệu quả thiết thực, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo thu nhập đáng kể cho nông dân. Đặc biệt, dự án Cải thiện tầm vóc giống trâu địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo với giống trâu Murash, qua 2 năm thực hiện đã sinh sản được trên 200 con, khối lượng trâu sơ sinh trung bình trên 40 kg/con, trâu lai dễ nuôi, ăn khỏe, chóng lớn, thể hình đẹp, tạo ra bước đột phá về năng suất, sản lượng, thu nhập trong chăn nuôi trâu của bà con nông dân trong tỉnh.

- *Trong lĩnh vực thủy, hải sản:* Kết quả thực hiện các đề tài, dự án KH&CN bước đầu đã góp phần bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy, hải sản, tạo ra đối tượng nuôi mới, phát triển nghề nuôi trồng thủy, hải sản cho ngư dân. Các đề tài, dự án KH&CN đã tập trung điều tra đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững nguồn lợi cá Dìa, cua Dẹp tại huyện Lý Sơn và các huyện ven biển; thử nghiệm kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Bớp và cá bống cát sông Trà,... Đặc biệt, mô hình nuôi thử nghiệm thương phẩm Nhum sọ tại huyện Lý Sơn thành công sẽ mở ra hướng mới trong nuôi trồng thủy, hải sản ở khu vực biển ven bờ.

Kết quả thực hiện các đề tài, dự án, chương trình KH&CN trong nông nghiệp đã góp phần chuyển dịch kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập cho nông dân. Thông qua các nhiệm vụ KH&CN đã xây dựng được các mô hình sản xuất nông sản sạch, an toàn, bảo đảm sức khỏe và gắn kết được nguồn lực của Nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp, nông dân, đặc biệt là nguồn lực của doanh nghiệp trong chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ các nông sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

3.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ

Trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, các nhiệm vụ KH&CN đã tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới, chế tạo thử nghiệm sản phẩm, xây dựng mô hình thí điểm trong quản lý, điều hành sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu thực tiễn. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục được các nhược điểm của tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu; Thử nghiệm giải pháp kỹ thuật nhiệt phân, xây dựng được quy trình công nghệ và dây chuyền nhiệt phân để thu dầu thải từ cặn dầu thải của Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2, thuộc hệ thống kênh chính nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa; Nghiên cứu, chế tạo thành công Robot hàn tự động 6 bậc và máy cắt Plasma, Oxy CNC dạng trung bình, ứng dụng vào việc giảng dạy, học tập, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động, từng bước làm chủ công nghệ và thay thế hàng nhập ngoại, phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên; Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện Lý Sơn.

Lĩnh vực công nghệ thông tin được chú trọng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục được nâng cấp, đầu tư đồng bộ, trang bị ngày càng hoàn thiện, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt. Công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh cũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là triển khai hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công; hệ thống quản lý văn bản và điều hành; trung tâm dữ liệu tỉnh,... Công tác chuyển đổi số cũng được triển khai thực hiện ở các ngành, lĩnh vực khác nhau như: Y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp, giao thông vận tải, lĩnh vực tài nguyên và môi trường,...

3.3. Kết quả thực hiện đề tài, dự án, chương trình KH&CN phục vụ quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường

Hoạt động nghiên cứu khoa học về tài nguyên khoáng sản, điều kiện tự nhiên, môi trường trên địa bàn được chú trọng. Các đề tài, dự án đã cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ công tác quản lý, khai thác tiềm năng, lợi thế của các vùng, nhất là vùng ven biển và đảo Lý Sơn trong việc phát triển du lịch, phát triển kinh tế biển. Trong lĩnh vực này, sau 03 năm nghiên cứu Viện Hải dương học đã phục hồi thành công 03 ha rạn san hô, với hơn 3.700 tập đoàn san hô với tỉ lệ sống và tốc độ tăng trưởng cao và đã chuyển giao kết quả nghiên cứu cho Ban Quản lý Khu Bảo tồn biển Lý Sơn tiếp nhận để triển khai thực hiện trong thời gian tiếp theo. Chi cục Bảo vệ môi trường đang chủ trì thực hiện điều tra, đánh giá đúng thực trạng phát sinh, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; dự báo về khối lượng, thành phần chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cụ thể, phù hợp trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh.

3.4. Kết quả thực hiện đề tài, dự án, chương trình KH&CN phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong y khoa, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã huấn luyện, chuyển giao thành công kỹ thuật phẫu thuật, điều trị trĩ bằng phương pháp Longo cho 03 bệnh viện tuyến huyện, giúp giảm tải cho Bệnh viện tuyến trên, giảm chi phí khám, chữa bệnh cho bệnh nhân.

Sở Y tế đã tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh. Sau hơn 02 năm tiến hành can thiệp cho 66 trẻ bị rối loạn phổ tự kỷ theo mô hình vừa can thiệp chuyên biệt kết hợp sự tham gia can thiệp của gia đình và mạng lưới chăm sóc sức khỏe tâm thần tuyến xã, phường, thị trấn. Đến nay, có 35 trẻ tự kỷ đã hòa nhập xã hội và đang học tiểu học, tất cả trẻ được can thiệp đều cải thiện về giao tiếp, ngôn ngữ, vận động. Hiện Bệnh viện Tâm thần tỉnh đang tiếp tục triển khai ứng dụng, mở rộng, thu nhận thêm 47 trẻ mới được phát hiện.

Trong y dược, với mục đích bảo tồn, phát triển nguồn dược liệu có giá trị trên địa bàn, hiện đang triển khai thực hiện một số đề tài điều tra, đánh giá hiện trạng, thực nghiệm mô hình liên kết trồng và tiêu thụ một số cây dược liệu như: Bảy lá một hoa, đảng sâm, khôi nhung,... ở một số huyện miền núi của tỉnh.

3.5. Kết quả thực hiện các đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, đề ra chủ trương, ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Một số đề tài nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Một số kết quả tiêu biểu như: Đề tài nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy - học tiếng Co cho cán bộ, công chức, viên chức *(người Kinh)* công tác tại huyện Trà Bồng, đã xây dựng hoàn thiện được bộ tài liệu dạy - học tiếng Co và hiện đang được sử dụng dạy cho cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại huyện. Đề tài "Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên tỉnh Quảng Ngãi" đã cung cấp cơ sở khoa học để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 29/3/2021 về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và vi phạm pháp luật trong lứa tuổi thanh, thiếu niên. Đề tài Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các nhóm giải pháp trong công tác phòng, chống tham nhũng ở tỉnh Quảng Ngãi đã cung cấp luận cứ khoa học phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng. Đề tài "Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi" cung cấp các luận cứ khoa học về vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững; đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể phát huy vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

3.6. Kết quả triển khai thực hiện các chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân

Thông qua các Chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2020, đã hỗ trợ 20 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ, 101 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, 15 lượt doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng, 08 lượt doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, 38 lượt doanh

nghiệp đạt giải thưởng chất lượng Quốc gia và Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao; Chương trình thúc đẩy năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh sản phẩm hàng hoá thông qua các chương trình khuyến công đã hỗ trợ cho hơn 410 cơ sở và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đã hỗ trợ cho 123 hồ sơ của 80 tổ chức, doanh nghiệp. Về cơ bản, sự hỗ trợ đã tạo được hiệu quả trong việc nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp, góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh hầu hết là doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, tiềm lực về kinh tế, trình độ khoa học, công nghệ của doanh nghiệp thấp, việc tiếp cận các công nghệ mới, các chương trình hỗ trợ còn hạn chế, do đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị của doanh nghiệp. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị của tỉnh trong 10 năm qua đã có những chuyển biến tích cực, nhưng còn thấp, chỉ đạt khoảng 4 - 5%.

Trong giai đoạn 2013 - 2020, giá trị sản xuất sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng cao nghệ cao đạt được một số kết quả khả quan. Điển hình, giá trị sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất trung bình giai đoạn 2013 - 2020 đạt 449.247 triệu đồng, sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học đạt 601.636 triệu đồng, sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế đạt 105.802.825 triệu đồng, sản xuất thiết bị điện đạt 30.555 triệu đồng. Kết quả thực hiện chỉ tiêu giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2013 - 2020 có giá trị trung bình đạt 52%, cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ; đào tạo, tập huấn về sở hữu trí tuệ; hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Từ năm 2012 đến nay, trên địa bàn tỉnh có 05 sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ. Nhìn chung, số lượng sáng chế và giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh tương ứng ở mức khá so với các tỉnh ở khu vực miền Trung. Tuy nhiên, số lượng sáng chế và giải pháp hữu ích chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; đồng thời, hoạt động khai thác, ứng dụng sáng chế chưa được quan tâm khai thác hiệu quả.

3.7. Kết quả hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Việc xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tuy mới được triển khai thực hiện từ năm 2018 đến nay và đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận. Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, các trường đại học, cao đẳng, hoạt động tuyên truyền, tập huấn, đào tạo, các hoạt động kết nối được tổ chức thường xuyên và hiệu quả đã giúp cho phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển, thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tượng, nhất là lực lượng thanh niên, sinh viên. Đã hình thành 01 vườn ươm, 04 câu lạc bộ khởi nghiệp sáng tạo và kết nối đào tạo đội ngũ tư vấn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho hơn 50 cán bộ, giảng viên. Từ năm 2019 đến nay, đã tổ chức được 03 cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi, với 160 ý tưởng, dự án và đã có 28 dự án, ý tưởng xuất sắc được vào vòng chung kết và đạt giải. Qua đó, đã hình thành, phát triển 15 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3.8. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Hoạt động KH&CN cấp cơ sở có nhiều khởi sắc, nhất là từ khi có Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Một số địa phương, đơn vị đã bố trí kinh phí, phân công cán bộ theo dõi quản lý hoạt động KH&CN, chủ động tìm hiểu, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong và ngoài tỉnh để tiếp nhận công nghệ tiên tiến, xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương, đơn vị. Chỉ trong giai đoạn 2016 - 2020, các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng, triển khai thực hiện 155 nhiệm vụ, với tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ thực hiện là 8.504 triệu đồng. Riêng ngành Y tế đã triển khai thực hiện 49 đề tài cấp cơ sở, với tổng kinh phí là 1.304 triệu đồng; huyện Bình Sơn đã triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở với tổng kinh phí là 2.985 triệu đồng,...

4. Tăng cường tiềm lực KH&CN

Trong thời gian vừa qua, việc đầu tư tăng cường tiềm lực KH&CN được quan tâm triển khai ở các ngành và có tính lan tỏa từ các doanh nghiệp lớn. Phát triển KH&CN đã thúc đẩy đầu tư, nâng cấp, xây dựng phòng thử nghiệm, phòng thí nghiệm có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, nhất là các phòng thử nghiệm, thí nghiệm chuyên ngành, kỹ thuật cao, mang tính trọng điểm vùng của các doanh nghiệp có đóng góp lớn vào tỷ trọng kinh tế của tỉnh. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 33 phòng thử nghiệm, thí nghiệm thuộc các lĩnh vực khác nhau; trong đó, có 20 phòng thử nghiệm chuyên ngành thuộc lĩnh vực xây dựng. Nhiều hệ thống phòng thí nghiệm/kiểm nghiệm, thử nghiệm - hiệu chuẩn được xây dựng đạt chuẩn chuyên ngành và VILAS do Văn phòng đăng ký chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, VUSTA,… chứng nhận. Một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn như: Phòng quan trắc phân tích môi trường thuộc Trung tâm kỹ thuật quan trắc môi trường; Ban Quản lý chất lượng thuộc Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn; Trung tâm phân tích thử nghiệm EIC thuộc Công ty Cổ phần giám định năng lượng Việt Nam,…

Bên cạnh đó, việc đầu tư các phòng thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước cũng được chú trọng trên tất cả các lĩnh vực như: Phòng thử nghiệm hóa sinh, môi trường; kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm; công nghệ sinh học; tiêu chuẩn đo lường chất lượng,... đã phần nào đáp ứng được các yêu cầu về quản lý nhà nước cũng như nhu cầu của các doanh nghiệp, tổ chức và người dân trên địa bàn tỉnh.

5. Phát triển thị trường KH&CN

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay, thông qua các kênh tuyên truyền, hướng dẫn lập hồ sơ, các sự kiện trình diễn kết nối cung cầu công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị,… đã giúp các doanh nghiệp tìm kiếm, tiếp cận, tạo môi trường thuận lợi để kết nối các tổ chức KH&CN *(bên cung công nghệ)* với các doanh nghiệp *(bên cầu công nghệ),* góp phần phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Công tác hỗ trợ hình thành doanh nghiệp KH&CN cũng được quan tâm, chú trọng, các doanh nghiệp KH&CN hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần phát triển thị trường KH&CN của tỉnh. Tuy chưa đạt chỉ tiêu đề ra nhưng việc hình thành các doanh nghiệp KH&CN nhìn chung đã đóng góp vào quá trình nghiên cứu, sản xuất những sản phẩm mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về khoa học kỹ thuật và công nghệ, nông nghiệp gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay, hiện có 20 tổ chức, doanh nghiệp tham gia các hoạt động trình diễn, kết nối cung, cầu công nghệ; có 04 tổ chức KH&CN và 04 văn phòng, chi nhánh KH&CN hoạt động tương đối hiệu quả, góp phần phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh.

6. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Chủ động trong công tác hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động quản lý KH&CN, nghiên cứu phát triển KH&CN giữa tỉnh với các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, các Viện thuộc các Bộ, ngành ở Trung ương, các trường đại học (Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Huế,...), các tổ chức hoạt động KH&CN trên toàn quốc; qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh cũng như tận dụng được nguồn lực, thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành tham gia các hoạt động, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực KH&CN, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

Từ năm 2012 đến nay, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đơn vị và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, hoạt động KH&CN đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tập trung phục vụ các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo chủ trương của các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh, có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đồng hành hỗ trợ cùng doanh nghiệp. Hoạt động KH&CN đã tập trung giải quyết các yêu cầu về tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, sử dụng hợp lý tài nguyên, tiết kiệm nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm; nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường, từng bước đưa doanh nghiệp của tỉnh tiếp cận, vận dụng thành công những thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất kinh doanh; phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và giảm nghèo bền vững, đặc biệt là đối với các huyện miền núi; hình thành và phát triển các doanh nghiệp KH&CN cùng với xây dựng kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bước đầu đặt nền tảng cho bước phát triển mới cao hơn trong cộng đồng các doanh nghiệp của tỉnh. Hoạt động KH&CN cũng góp phần tích cực vào công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng các chủ trương,

chính sách, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

*** Kết quả trên, xuất phát từ các nguyên nhân**

- Về khách quan

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của thế giới nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng; hệ thống văn bản pháp luật, các cơ chế, chính sách quy định về các chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện cho các cấp, các ngành cũng như doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN được thực hiện đồng bộ, thuận lợi. Bên cạnh đó, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp của nhân lực tham gia hoạt động KH&CN ngày càng được nâng cao; số nhân lực trí thức, nắm vững KH&CN tiên tiến tăng lên; máy móc, trang thiết bị hiện đại được trang bị, đầu tư; tay nghề, kỹ năng lao động, tác phong công nghiệp, phương pháp làm việc tiên tiến. Nguồn nhân lực trẻ được đào tạo có trình độ học vấn cao, được rèn luyện trong môi trường thực tiễn nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất hiện đại, có tác động tích cực đến các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo, sản xuất công nghiệp, tạo giá trị sản phẩm công nghiệp, gia tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

- Về chủ quan

Hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng KH&CN và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị. Bên cạnh đó, nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển KH&CN có sự chuyển biến tích cực, cũng như việc hưởng ứng, tham gia thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu, phát triển KH&CN của các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Việc chủ động ban hành các nghị quyết, quy định của cấp có thẩm quyền đã tạo điều kiện cho việc thực hiện các chương trình, nhiệm vụ KH&CN, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp được đồng bộ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp. Qua đó đã phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp, các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp thông qua việc xác định cụ thể đơn vị tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu kết thúc.

Đội ngũ trí thức và lực lượng KH&CN của tỉnh từng bước trưởng thành, tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý hoạt động KH&CN không ngừng được củng cố; đội ngũ công chức, viên chức và người lao động trong ngành được đào tạo cơ bản về chuyên môn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Quy định của Luật Khoa học và Công nghệ về việc Nhà nước bảo đảm chi cho KH&CN từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm vẫn chưa được bảo

đảm. KH&CN chưa thật sự trở thành động lực chính của sự phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế hoạt động KH&CN chậm đổi mới; hoạt động KH&CN cấp cơ sở nhìn chung vẫn còn yếu, một số địa phương, đơn vị chưa chủ động, tích cực triển khai tổ chức ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ vào sản xuất và đời sống. Thiếu các đề tài, dự án KH&CN có tính đột phá, có hàm lượng KH&CN chiếm tỷ trọng giá trị cao. Số lượng đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật, công nghệ, xây dựng, cơ sở hạ tầng giao thông và đô thị, tài nguyên và môi trường còn ít. Một số đề tài sau khi nghiệm thu tính nhân rộng vào thực tiễn còn hạn chế. Hoạt động KH&CN cấp huyện và một số ngành, doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, thiếu cán bộ chuyên trách về KH&CN cấp huyện. Đề tài, dự án KH&CN thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chiếm tỷ lệ trên 60% nhưng số lượng dự án, mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, mô hình ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh ở cấp độ mới hình thành, còn sơ khai, các thành tố chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, hiệu quả thấp. Đội ngũ tư vấn hỗ trợ chưa đáp ứng yêu cầu. Mạng lưới kinh doanh theo chuỗi giá trị chưa rõ nét và chưa mang tính chiến lược lâu dài; mức độ tiếp cận thị trường còn thấp, nhất là thị trường xuất khẩu.

*** Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

- Về khách quan

Cơ chế quản lý hoạt động KH&CN chậm đổi mới, đang trong giai đoạn tiếp tục hoàn thiện để phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống văn bản cụ thể hóa chủ trương của Đảng về KH&CN, nhất là các văn bản hướng dẫn thực hiện vẫn còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đồng bộ.

Tiềm lực KH&CN của tỉnh còn yếu, thiếu các phòng thí nghiệm chuyên ngành có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng KH&CN.

Thiếu các chuyên gia giỏi, các nhà khoa học đầu ngành để dẫn dắt hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN. Số lượng công chức, viên chức trong bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN quá mỏng; cán bộ phụ trách công tác KH&CN cơ sở còn kiêm nhiệm, thiếu tính ổn định.

Đa số doanh nghiệp trong tỉnh có quy mô nhỏ, trình độ công nghệ và năng lực tài chính hạn chế, chưa thể thực hiện được việc nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng KH&CN, cũng như tham gia vào các chuỗi liên kết giá trị thúc đẩy sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng hóa với quy mô lớn.

- Về chủ quan

Một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí và tầm quan trọng của KH&CN đối với phát triển kinh tế - xã hội nên chưa thật sự quan tâm, chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan, đơn vị phối hợp tổ chức thực hiện cũng như đầu tư đúng mức đối với lĩnh vực KH&CN.

Một số ngành, địa phương chưa chủ động lựa chọn, đề xuất được các vấn đề, nhiệm vụ KH&CN cần tập trung giải quyết để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Sự gắn kết giữa kế hoạch hoạt động của các ngành, các cấp đối với công tác nghiên cứu, ứng dụng KH&CN chưa thường xuyên.

Một số địa phương chưa phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN để thu hút nguồn lực KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Các tổ chức KH&CN trên địa bàn chưa thật sự gắn kết với các tổ chức doanh nghiệp, hợp tác xã để hình thành mối liên kết bền vững theo chuỗi giá trị.

3. Bài học kinh nghiệm

(1) Hoạt động nghiên cứu, phát triển chuyển giao, ứng dụng KHCN và đổi mới sáng tạo phải bắt nguồn từ tính cấp thiết của thực tiễn sản xuất và đời sống. Sản phẩm phải giải quyết có hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra, tập trung thực hiện các nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh.

(2) Nêu cao vai trò, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền. Thực tiễn cho thấy kết quả của việc xây dựng, tổ chức thực hiện nghiên cứu, phát triển chuyển giao, ứng dụng KHCN và đổi mới sáng tạo phụ thuộc rất nhiều bởi sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện đầu tư và kinh phí của cấp ủy, chính quyền.

(3) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH&CN, nhất là cơ chế đầu tư, tập trung huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp và xã hội cho hoạt động KH&CN. Xác định doanh nghiệp là trung tâm của việc nghiên cứu phát triển, chuyển giao ứng dụng KHCN và đổi mới sáng tạo; gắn kết chặt chẽ nguồn lực và trách nhiệm giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân trong quá trình thực hiện.

(4) Tăng cường sự phối hợp, gắn kết giữa cơ quan chủ trì, chủ nhiệm với địa phương. Để việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đạt được kết quả, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu sản phẩm đặt ra, đòi hỏi cơ quan chủ trì, chủ nhiệm, cơ quan tư vấn phải có sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ với địa phương ngay từ những khâu công việc đầu tiên từ điều tra, khảo sát xác lập nhiệm vụ, đến quá trình tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả, chuyển giao ứng dụng và nhân rộng mô hình trên thực tế.

IV. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KH&CN từ nay đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

1. Quan điểm phát triển

KH&CN phải thật sự trở thành động lực cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo ra những bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững nền kinh tế tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn 2050; phù hợp với Chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo của quốc gia và mục tiêu, phương hướng phát triển KH&CN trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo gắn với sự phát triển của các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, gắn với các nhiệm vụ chủ yếu: Đổi mới đồng bộ tổ chức,

cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo và chính sách đối với đội ngũ tri thức KH&CN trong và ngoài nước, nhằm khai thác tối đa mọi tiềm năng trí tuệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao tiềm lực KHCN và đổi mới sáng tạo; chú trọng phát triển nguồn nhân lực KH&CN có trình độ cao; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên đổi mới, ứng dụng, chuyển giao những thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là những ngành mang lại sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao chiếm tỷ trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, các ngành công nghiệp có hàm lượng KH&CN chiếm tỷ trọng giá trị cao *(lọc hóa dầu, luyện kim, chế tạo máy và tự động hóa)*, công nghiệp chế biến sâu, chế biến dược liệu, hóa liệu, sản phẩm chủ lực địa phương, đặt biệt là chuyển đổi số,... Tập trung các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ giải quyết đồng bộ các khâu sản xuất theo chuỗi giá trị để phát triển và nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm trọng điểm, chủ lực, có lợi thế của tỉnh. Xác định doanh nghiệp là trung tâm và là động lực chính trong việc ứng dụng và phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

Phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo cần tập trung vào khoa học ứng dụng; ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, các công trình khoa học tiên tiến, phù hợp với định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương. Đồng thời, tiếp tục liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, trung tâm, viện nghiên cứu, các trường đại học trên cả nước; tận dụng các nguồn lực, thu hút các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành tham gia các hoạt động nghiên cứu phát triển, chuyển giao ứng dụng KHCN và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu đến 2030

Phấn đấu đến năm 2030 xây dựng, triển khai thực hiện từ 110 - 120 nhiệm vụ KH&CN để chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống; trong đó, có: 60 mô hình thực hiện ở các huyện miền núi; vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 40 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, tạo sinh kế cho người dân.

Thông qua các chương trình, mô hình, nhiệm vụ KH&CN tổ chức đào tạo cho 700 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho nông dân để góp phần nâng cao năng lực áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế, trình độ phát triển sản xuất của các địa phương trong tỉnh.

Đến năm 2030, thực hiện hỗ trợ từ 30 - 40 dự án từ chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ; đào tạo, tập huấn áp dụng kỹ thuật công nghệ mới cho công nhân; hỗ trợ 50 - 60 lượt doanh nghiệp tham gia hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm thành tựu về KH&CN.

Tiếp tục hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển tài sản trí tuệ. Phấn đấu có 170 đối tượng sở hữu trí tuệ được hỗ trợ đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ độc quyền giai đoạn 2021 - 2025 và đạt 300 đối tượng hỗ trợ vào năm 2030.

Phấn đấu đến năm 2025, có 100 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến; 50 doanh nghiệp được hỗ trợ xây dựng, áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng; 20 doanh nghiệp được hỗ trợ áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; 25 sản phẩm hàng hóa được hỗ trợ áp dụng mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và 500 lượt người được tham gia đào tạo, tập huấn chuyên môn.

Tập trung xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo. Phấn đấu từ nay đến năm 2030, hình thành và phát triển 30 - 40 doanh nghiệp KHCN và Đổi mới sáng tạo; hỗ trợ 40 - 50 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có sản phẩm kinh doanh; thu hút hơn 150 ý tưởng, dự án tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến từ các trường đại học, cao đẳng và phổ thông trung học trên địa bàn tỉnh.

Tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho nghiên cứu và triển khai tăng dần từng năm và đạt 0,5 - 1% GRDP.

Về xây dựng đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực KH&CN: Phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh đạt trên 42.000 người năm 2025 và 50.000 người vào năm 2030; số người làm công tác KH&CN đạt 15 người trên 1 vạn dân vào năm 2025 và 20 người vào năm 2030. Đồng thời, tăng cường đầu tư trang thiết bị, phòng thí nghiệm cho các tổ chức KH&CN, các trường đại học, cao đẳng; các Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu thực nghiệm nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo của đội ngũ trí thức vào KH&CN của tỉnh.

2.2. Mục tiêu đến 2045

Hướng tới mục tiêu KH&CN làm chủ được nhiều công nghệ cao. Các doanh nghiệp của tỉnh có năng lực làm chủ công nghệ cao, các công nghệ mới và nhiều doanh nghiệp thiết kế các sản phẩm mới. Mức đóng góp năng suất của các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt mức bình quân chung của cả nước.

Vốn đầu tư từ ngân sách hàng năm chi cho sự nghiệp KH&CN phấn đấu duy trì mức chi cho KHCN và đổi mới sáng tạo đạt 2% tổng chi ngân sách năm 2045.

Số lượng doanh nghiệp đổi mới công nghệ tăng 20%; tiếp tục thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; phát triển thị trường KHCN và đổi mới sáng tạo.

Thúc đẩy phát triển, đổi mới công nghệ công nghiệp điện tử, tự động hóa và sản xuất, lắp ô tô dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, nâng cao số lượng sáng chế, sở hữu trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh phát triển thương hiệu.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời gian đến

3.1. Tăng cường trách nhiệm của hệ thống chính trị, nâng cao nhận thức và sự tham gia của toàn xã hội đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Lãnh đạo các cấp, các ngành cần phải nhận thức đầy đủ vai trò, ý nghĩa quan trọng của KHCN và đổi mới sáng tạo; phải coi phát triển KH&CN là một nhiệm vụ trọng tâm

hàng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị mình. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phải tăng cường trách nhiệm chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, hỗ trợ ứng dụng, đưa nhanh các tiến bộ KHCN và đổi mới sáng tạo vào phục vụ sản xuất, đời sống và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, quốc phòng.

Trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội phải chú trọng nội dung KH&CN, kiểm tra luận cứ khoa học, bám sát các chủ trương, chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư thuộc phạm vi mình phụ trách; đồng thời, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về KHCN và đổi mới sáng tạo.

Các tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất và cá nhân tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh cần nhận thức rõ tầm quan trọng của KHCN và đổi mới sáng tạo, có kế hoạch ứng dụng KH&CN vào đổi mới thiết bị, công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, phát triển tài sản trí tuệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Tập trung nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ hiện đại để tiến tới hình thành các ngành công nghiệp mới, công nghiệp có công nghệ cao, như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ y, dược, các ngành tự động hóa; phát triển công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng thân thiện với môi trường.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng dụng KH&CN, làm chủ và đưa công nghệ mới, công nghệ số vào sản xuất kinh doanh, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, phát triển tài sản trí tuệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao.

3.2. Tiếp tục đổi mới tổ chức, cơ chế quản lý KH&CN

Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống quản lý nhà nước về KH&CN từ tỉnh đến cơ sở theo Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Tăng cường vai trò đầu mối quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH&CN của Sở Khoa học và Công nghệ. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới tổ chức, tăng biên chế, nguồn lực cho Sở Khoa học và Công nghệ để Sở phải thực sự là đầu mối kết nối các ngành, các huyện, các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân với các viện, trường, các nhà khoa học.

Nâng cao năng lực quản lý KH&CN trên tất cả các lĩnh vực đối với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Mỗi huyện, thị xã, thành phố bố trí ít nhất 01 cán bộ chuyên trách theo dõi, tổ chức và phối hợp thực hiện các hoạt động KH&CN. Các sở, ban, ngành phân công một lãnh đạo phụ trách hoạt động KH&CN của ngành.

Triển khai cơ chế đặt hàng nhiệm vụ KH&CN, gắn đặt hàng, triển khai, nhân rộng kết quả nghiên cứu, ứng dụng trở thành nhiệm vụ thường xuyên của các ngành, huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế nhân rộng kết quả đề tài, dự án.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành việc tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện và sau nghiệm thu.

Chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN.

3.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng thông tin KH&CN

Tăng cường công tác phổ biến, hướng dẫn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức thực thi pháp luật về KHCN và đổi mới sáng tạo của tổ chức, công dân, đặc biệt là trong các lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và khả năng cạnh tranh trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, kết hợp với ứng dụng tiến bộ KH&CN và phát triển sản phẩm, phát triển chuỗi cung ứng hàng hóa trong điều kiện hội nhập kinh tế; bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Thúc đẩy phong trào năng suất quốc gia và phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong bối cảnh đẩy mạnh thực hiện Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động thông tin KH&CN; thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác các tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực doanh nghiệp và nông thôn, miền núi.

3.4. Tăng cường đầu tư kinh phí và cơ sở vật chất cho KH&CN

Phấn đấu bố trí kinh phí chi cho KH&CN đạt mức chi bình quân của GDP cả nước cho KH&CN; đồng thời, xây dựng cơ chế thích hợp để huy động các nguồn vốn khác tham gia đầu tư phát triển KH&CN. Nghiên cứu các điều kiện để hình thành và đưa vào hoạt động Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh và các doanh nghiệp.

Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ (khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trạm, trại nghiên cứu thực nghiệm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm,…). Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ và chuyển giao ứng dụng của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ. Khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức nghiên cứu triển khai trong doanh nghiệp.

3.5. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN

Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN.

Tạo môi trường dân chủ, công khai, thuận lợi cho đội ngũ cán bộ KH&CN lao động, sáng tạo, tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Tạo diễn đàn, cơ hội để các nhà

khoa học, trí thức được tham gia tư vấn, phản biện những chiến lược, chính sách, các dự án lớn của tỉnh.

Có kế hoạch liên thông nghiên cứu, đào tạo, xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ KH&CN trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ các mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các tiến bộ KH&CN, công nghệ cao cho cán bộ trong tỉnh thông qua đào tạo, hợp tác và học tập kinh nghiệm tại một số tổ chức KH&CN trong và ngoài nước.

3.6. Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, phát triển thị trường KH&CN

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề tài, dự án hỗ trợ doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân nhập khẩu công nghệ tiên tiến, thay thế, đổi mới thiết bị, công nghệ hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đầu tư nghiên cứu ứng dụng, làm chủ và đưa công nghệ mới vào sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường.

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chủ động tham gia thực hiện các dự án thuộc các chương trình quốc gia về KHCN và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh: Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Kế hoạch Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025; Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030"; Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi; Đề án khung nhiệm vụ KH&CN về Quỹ gen tỉnh Quảng Ngãi thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

3.7. Triển khai các định hướng nhiệm vụ KH&CN chủ yếu

3.7.1. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và giảm nghèo bền vững ở miền núi

Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, hải đảo phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Tập trung hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân ứng dụng kỹ thuật công nghệ số, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ;

xây dựng, thực hiện các dự án, mô hình nông nghiệp theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ nguồn lực và trách nhiệm giữa nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân, khai thác, phát huy mối liên kết bền vững trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; chú trọng tạo lập và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù mang thương hiệu địa phương.

3.7.2. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

Xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị. Lập, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị theo hướng hình thành các trung tâm dữ liệu và đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đô thị để hướng tới phục vụ cho nền công nghiệp 4.0 và xây dựng, phát triển đô thị thông minh trên nền tảng công nghệ số.

Từng bước hoàn thiện hạ tầng thông tin và truyền thông bảo đảm tính đáp ứng, tính phù hợp theo tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn quốc gia. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án về xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi,…

Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, từng bước tiến tới nền kinh tế số, xã hội số.

3.7.3. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN phục vụ công tác quản lý, khai thác tiềm năng, lợi thế về di sản văn hóa và tài nguyên thiên nhiên của các vùng, nhất là huyện đảo Lý Sơn và vùng ven biển trong việc đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Nghiên cứu bảo tồn, phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh trên cơ sở phát huy giá trị di sản văn hóa Sa Huỳnh, các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể.

Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm du lịch và phát triển các sản phẩm du lịch có tiềm năng, lợi thế, nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư khai thác du lịch và khẳng định thương hiệu, năng lực cạnh tranh.

Đa dạng hóa mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch, giải trí. Thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở những nơi có điều kiện. Ứng dụng KH&CN phát triển số lượng, chủng loại, nâng cao chất lượng, hiệu quả các sản phẩm du lịch và sự phát triển bền vững du lịch tỉnh Quảng Ngãi.

3.7.4. Hoạt động KH&CN phục vụ phát triển tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiến bộ trong xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, điểm khai thác, chế biến khoáng sản, các làng nghề, lưu vực sông, các đô thị và khu vực nông thôn.

Đẩy mạnh nghiên cứu, nhân rộng các mô hình xử lý nước thải y tế, nước thải công nghiệp, nước thải chế biến nông, lâm, thủy sản, nước thải sinh hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường để tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính.

Nghiên cứu các giải pháp xanh để kết hợp giữa bảo vệ bờ biển với phát triển các khu du lịch ven biển bền vững.

Nghiên cứu các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm.

3.7.5. Hoạt động KH&CN phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Khảo sát, đánh giá tình hình dịch bệnh trong cộng đồng; áp dụng các phương pháp khoa học, kỹ thuật, công nghệ phát hiện sớm, khống chế kịp thời và kiểm soát tốt các loại dịch bệnh.

Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong y học hiện đại, kỹ thuật công nghệ cao vào chẩn đoán và điều trị bệnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể lực cho Nhân dân trong tỉnh.

Quy hoạch nuôi trồng, khai thác, chế biến các vùng dược liệu tại các địa phương có thế mạnh về đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp với các loại cây trồng, vật nuôi làm thuốc.

Điều tra, nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc dân gian, cổ truyền phục vụ khám, chữa bệnh trong Nhân dân.

3.7.6. Hoạt động khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tập trung nghiên cứu xác lập, cung cấp các luận cứ khoa học, luận giải cơ sở thực tiễn phục vụ cho việc xây dựng các chủ trương, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách và kịp thời đề xuất các biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh; trong đó, ưu tiên cho các nội dung: Đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ Nhân dân, tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân chủ động tham gia quá trình chuyển đổi số, ứng dụng thành tựu Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với yêu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực, địa phương, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế.

Nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử - văn hoá con người Quảng Ngãi; phát triển hài hòa các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, đáp ứng yêu cầu không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

3.8. Chủ động hợp tác về KH&CN

Đa dạng hóa đối tác và hình thức hợp tác về KH&CN giữa tỉnh với các cơ quan KH&CN bên ngoài; trước hết là tăng cường sự hợp tác giữa các tổ chức KH&CN trong tỉnh với các tổ chức, cơ quan KH&CN ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trong nước.

Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để thiết lập các kênh hợp tác phát triển KH&CN, đặc biệt trong lĩnh vực áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp KH&CN trong tỉnh thực hiện hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin KH&CN, nghiên cứu, đào tạo, gửi cán bộ khoa học tham gia các chương trình đào tạo, nghiên cứu tại nước ngoài.

V. Kiến nghị và đề xuất

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

1. Trung ương Đảng và Chính phủ cần có cơ chế, chính sách phù hợp, nguồn lực đầu tư thỏa đáng để nâng cao tiềm lực KHCN và đổi mới sáng tạo ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

Quan tâm hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, chuyển giao ứng dụng tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là chương trình KH&CN hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, miền núi, ven biển và hải đảo.

Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện; bố trí biên chế chuyên trách cho công chức KH&CN cấp huyện.

Quan tâm phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước cho các hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo. Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm nâng cao tiềm lực KH&CN của tỉnh và cấp cơ sở.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Tỉnh ủy Quảng Ngãi
20-05-2022 08:52:56 +07:00

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

Đặng Ngọc Huy

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị (báo cáo),
- Ban Chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện NQ 20,
- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Cơ quan Thường trực BTG Trung ương tại Đà Nẵng,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn HĐND tỉnh,
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- VPTU: CVP, PCVP, P. Tổng hợp,
- Lưu Văn thư Tỉnh ủy.

Phụ lục 1

Thống kê các nghị quyết, quyết định, kế hoạch, chương trình hành động, văn bản có liên quan về lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được triển khai

-----

1. Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20; Kế hoạch số 223-KH/TU ngày 30/9/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư.

2. Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung và định mức xây dựng kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định một số chính sách hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

5. Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hệ thống đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin- viễn thông.

6. Kế hoạch số 2835/KH-UBND ngày 29/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy.

7. Kế hoạch 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

8. Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 18/02/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015.

9. Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015.

10. Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chính sách thu hút, khuyến khích nguồn nhân lực chất lượng cao và sinh viên tốt nghiệp đại học chính quy đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi.

11. Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 21/2/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi.

12. Quyết định số 1144/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016 - 2020.

13. Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt "Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020" và "Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020".

14. Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

15. Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

16. Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi.

17. Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo.

18. Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch phát triển KH&CN tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020.

19. Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

20. Kế hoạch 6669/KH-UBND ngày 27/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

21. Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ trong khu vực sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/4/2019 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

22. Quyết định 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (thay thế Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND).

23. Kế hoạch 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết

Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

24. Kế hoạch 66/KH-UBND ngày 18/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

25. Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

26. Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2020 - 2025.

27. Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

28. Quyết định 1420/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Quỹ gen tỉnh Quảng Ngãi thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

29. Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

30. Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

31. Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Chiến lượt quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

32. Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

33. Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 15/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

34. Quyết định 1444/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

35. Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

36. Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030.

Phụ lục 2
Thống kê các tổ chức, doanh nghiệp, phòng thử nghiệm, trung tâm hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

TT	Tên tổ chức, doanh nghiệp, phòng thử nghiệm, trung tâm hoạt động trong lĩnh vực KH&CN	Lĩnh vực hoạt động
I	**Trung tâm, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực KH&CN**	
1	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
2	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
3	Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi	Khoa học nông nghiệp
4	Trung tâm Tư vấn, dịch vụ phát triển Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi	Khoa học xã hội và nhân văn
5	Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc môi trường Dung Quất	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
6	Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
7	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Khoa học xã hội; Khoa học nhân văn; Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học tự nhiên
8	Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc Quảng Ngãi	Khoa học xã hội; Khoa học nhân văn; Khoa học kỹ thuật – công nghệ
9	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	Khoa học Y – Dược
10	Trường Cao đẳng nghề Dung Quất	Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học tự nhiên
11	Trường Đại học Tài chính – Kế toán	Khoa học xã hội; Khoa học nhân văn; Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học tự nhiên
12	Trường Cao đẳng Quảng Ngãi	Khoa học xã hội; Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học tự nhiên
II	**Doanh nghiệp khoa học và công nghệ**	
1	Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín	Khoa học nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp TBT	Khoa học nông nghiệp
3	Công ty CP DORI	Khoa học nông nghiệp
4	Công ty CP Lọc hóa Dầu Bình Sơn	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
5	Công ty CP Cơ khí và Xây lắp An Ngãi	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
6	Công ty CP Cơ – Điện – Môi trường LiLaMa	Khoa học kỹ thuật và công nghệ
III	**Phòng thí nghiệm, thử nghiệm chuyên ngành**	
1	Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thuộc Trại nghiên cứu thực nghiệm và chuyển giao công nghệ (Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ)	
2	Phòng thử nghiệp tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ)	
3	Phòng thí nghiệm hóa sinh, môi trường của Trường Đại học Phạm Văn Đồng	

TT	Tên tổ chức, doanh nghiệp, phòng thử nghiệm, trung tâm hoạt động trong lĩnh vực KH&CN	Lĩnh vực hoạt động
4	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm tỉnh Quảng Ngãi (Sở Y tế)	
5	Khoa xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	
6	Phòng Công nghệ và Môi trường (Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi)	
7	Ban bảo dưỡng sửa chữa - Trung tâm hiệu chuẩn và thử nghiệm thiết bị (Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn)	
8	Phòng KCS (Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi)	
9	Bộ phận Thử nghiệm – Phòng Quản lý Chất lượng (Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất)	
10	Phòng kiểm soát chất lượng (Nhà máy sữa đậu nành Việt Nam VINASOY - Chi nhánh Công ty CP Đường Quảng Ngãi	
11	Phòng Quan trắc phân tích môi trường (Trung tâm kỹ thuật quan trắc môi trường)	
12	Ban Quản lý Chất lượng (Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn)	
13	Trung tâm phân tích thử nghiệm (Công ty CP Giám định năng lượng Việt Nam)	

Phụ lục 3
Thống kê các đề tài, đề án nghiên cứu khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các kết quả nổi bật có tính đột phá trong ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
I	**Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn**	
*****	**Nhiệm vụ cấp tỉnh**	
1	Đề tài: Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII; xây dựng luận cứ về quan điểm, phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu đến năm 2020 tỉnh Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.	Liên hiệp các hội KHKT tỉnh
2	Đề tài: Giải pháp phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 - 2020	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng
3	Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh Quảng Ngãi
4	Đề tài: Thực trạng và giải pháp phát hiện, xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, xuất sắc trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh Quảng Ngãi
5	Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ngãi
6	Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống, lịch sử Đảng bộ địa phương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi
7	Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực đăng ký khai sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
8	Đề tài: Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy-học tiếng Co cho cán bộ, công chức (người Kinh) công tác tại huyện Trà Bồng và huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Trà Bồng
9	Đề án: Nghiên cứu tình hình bạo lực gia đình ở tỉnh Quảng Ngãi.	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Ngãi
10	Đề tài: Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các nhóm giải pháp trong công tác phòng chống tham nhũng ở tỉnh Quảng Ngãi	Ban Nội chính Tỉnh ủy Quảng Ngãi
11	Đề tài: Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi
12	Đề tài: Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên ở tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh Quảng Ngãi
13	Đề tài: Sưu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá tư liệu Hán Nôm ở Quảng Ngãi	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi
14	Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc	Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi
15	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG TP. HCM)

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
16	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Công an tỉnh Quảng Ngãi
17	Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp xác lập, quản lý, khai thác phát huy tài sản trí tuệ mang yếu tố địa danh ở tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Luật, Đại học Huế
II	**Lĩnh vực khoa học nông nghiệp**	
*	**Nhiệm vụ cấp bộ**	
18	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phát triển cây ăn quả hàng hóa tại huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Nghĩa Hành
19	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ sản xuất tỏi ở huyện Lý Sơn theo hướng bền vững	Phòng KT và Hạ tầng Nông thôn huyện Lý Sơn
20	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình cánh đồng lớn sản xuất nguyên liệu sắn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Sơn Hà
21	Dự án: Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tây
22	Dự án: Xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp - nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở Sơn Tịnh	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tịnh
23	Dự án: Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý Trà Bồng cho sản phẩm quế của 2 huyện Trà Bồng và Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
24	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết bền vững trong sản xuất lúa giống xác nhận và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Quảng Ngãi và khu vực lân cận các tỉnh miền Trung	Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT
25	Đề tài: Nghiên cứu xác định nguyên nhân làm suy giảm năng suất, chất lượng sắn và đề xuất giải pháp KH&CN để phát triển sắn hiệu quả, bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi và vùng phụ cận	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa
26	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến tỏi Lý Sơn bền vững theo chuỗi giá trị	Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín
*	**Nhiệm vụ cấp tỉnh**	
27	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình thâm canh mía trên đất đồi, gò theo hướng cơ giới hoá tại huyện Minh Long và Sơn Hà	Nhà máy Đường Phổ Phong
28	Đề tài: Điều tra, đánh giá tình hình sâu, bệnh hại quế và nghiên cứu ứng dụng biện pháp phòng trừ sâu, bệnh tổng hợp trên cây quế tại huyện Trà Bồng	Chi cục BVTV Quảng Ngãi (Nay là Chi cục Trồng trọt và BVTV Quảng Ngãi)
29	Dự án: Xây dựng mô hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp nông thôn Tịnh Trà	UBND xã Tịnh Trà
30	Dự án: Xây dựng mô hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, nông thôn Tịnh Trà	UBND xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh
31	Dự án: Hỗ trợ cải tạo giống và cải tiến kỹ thuật chăn nuôi trâu cho đồng bào dân tộc Hrê ở huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Trạm Khuyến nông huyện Sơn Hà (Nay là Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Sơn Hà)

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
32	Dự án: Trồng và phát triển cây Mây nước, cây Sa nhân tím dưới tán rừng phòng hộ cho đồng bào dân tộc Hrê ở huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Trạm Khuyến nông huyện Ba Tơ (Nay là Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Ba Tơ)
33	Đề tài: Đánh giá hiện trạng phân bố nguồn lợi rong mơ tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất một số giải pháp khai thác và phát triển bền vững	Viện Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ Nha Trang
34	Dự án: Hỗ trợ xây dựng làng nghề trồng nấm (nấm ăn và nấm dược liệu) phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động từ các lò gạch thủ công xã Đức Nhuận và Đức Chánh, huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức
35	Dự án: Ứng dụng tiến bộ, khoa học và công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất lúa trên đất dồn điền đổi thửa tại HTX nông nghiệp Bình Dương, huyện Bình Sơn	Hợp tác xã Nông nghiệp Bình Dương, huyện Bình Sơn
36	Dự án: Hỗ trợ áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới tại xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	HTX Nông nghiệp Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành
37	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng cánh đồng mẫu sản xuất mía trên đất đồi gò nhằm nâng cao thu nhập cho người dân trồng mía tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Nhà máy Đường Phổ Phong
38	Dự án: Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa bàn huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Trạm Khuyến nông huyện Đức Phổ (Nay là Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Đức Phổ)
39	Dự án: Hỗ trợ xây dựng vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ LĐ1 tại thị trấn Trà Xuân, xã Trà Phú và xã Trà Bình huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Trà Bồng
40	Dự án: Xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGap tại xã Nghĩa Dũng Thành phố Quảng Ngãi	UBND thành phố Quảng Ngãi
41	Đề tài: Thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi ở huyện đảo Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi (canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát)	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ
42	Dự án: Chuyển giao công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học (ứng dụng công nghệ lên men vi sinh vật) cho hộ chăn nuôi	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học – công nghệ (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN)
43	Đề tài: Điều tra, đánh giá tiềm năng và hoạt động khai thác thủy sản, đề xuất mô hình quản lý khai thác bền vững tại đầm An Khê, huyện Đức Phổ	Hội nghề cá tỉnh Quảng Ngãi
44	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc huyện Sơn Tịnh	UBND xã Tịnh Bắc
45	Dự án: Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	UBND huyện Mộ Đức

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
46	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm ương giống cá Bớp (Rachycentron) giai đoạn từ trứng lên cá giống tại Quảng Ngãi	Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi
47	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thử nghiệm nuôi thương phẩm lươn đồng (Monopterus albus) tại Quảng Ngãi	Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi
48	Đề tài: Thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (Hippocampus kuda Pleeker 1852) tại tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi
49	Dự án: Ứng dụng tiến khoa học và công nghệ xây dựng mô hình thực nghiệm sản xuất rau an toàn theo phương pháp thủy canh	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học - công nghệ tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN)
50	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại tỉnh Quảng Ngãi	Công ty TNHH Giống cây trồng vật nuôi Nông Tín (Nay là Công ty TNHH KH&CN Nông Tín)
51	Dự án: Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Minh Long
52	Nhiệm vụ: Tuyển chọn và lưu giữ giống lợn bản địa (lợn Kiềng sắt)	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH-CN Quảng Ngãi)
53	Nhiệm vụ: Thực nghiệm chăn nuôi lợn trên nền chuồng bằng đệm lót vi sinh	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH-CN Quảng Ngãi)
54	Nhiệm vụ: Thực nghiệm chăn nuôi chim yến trong nhà thấp tầng ở khu vực nông thôn	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH-CN Quảng Ngãi)
55	Nhiệm vụ: Xây dựng vườn giống cây ăn quả (bưởi da xanh, chôm chôm java, sầu riêng hạt lép) nhằm tuyển chọn và cung cấp nguồn giống cây ăn quả có chất lượng	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH-CN Quảng Ngãi)
56	Nhiệm vụ: Tuyển chọn, nuôi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're Quảng Ngãi	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH-CN Quảng Ngãi
57	Nhiệm vụ: Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi
58	Nhiệm vụ: Chăm sóc vườn cây ăn quả (bưởi da xanh, chôm chôm Java, sầu riêng hạt lép) nhằm tuyển chọn và cung cấp nguồn giống cây ăn quả có chất lượng	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
59	Nhiệm vụ: Lưu giữ và bảo tồn nguồn gen giống lợn bản địa (lợn Kiềng sắt)	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH-CN Quảng Ngãi
60	Đề tài: Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực miền Trung	Trung tâm giống tỉnh Quảng Ngãi
61	Dự án: Ứng dụng kỹ thuật nuôi trâu cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc Hrê và bảo vệ môi trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Minh Long
62	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Đức Phổ
63	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển đàn bò lai hướng thịt trên nền bò cái Zê bu tại các xã miền núi huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Sơn Tịnh
64	Đề tài: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Nông Lâm Huế
65	Đề tài: Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ
66	Dự án: Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất củ Hành tím đạt tiêu chuẩn Vietgap tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Bình Sơn
67	Dự án: Cải thiện tầm vóc giống trâu địa phương bằng giống trâu Murrah (dùng phương pháp lai tạo nhảy trực tiếp và thụ tinh nhân tạo)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
68	Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi giống cá dìa và xây dựng qui trình ương cá dìa từ cỡ hạt dưa lên cá giống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi
69	Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi
70	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh lạc (đậu phộng) trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tịnh
71	Đề tài: Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Sacha inchi (Plukenetia volubilis) theo chuỗi giá trị tại huyện Ba Tơ và Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín
72	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống và phát triển chăn nuôi gà thả đồi an toàn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Sơn Hà
73	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bền vững cho đoàn viên thanh niên và nông dân xã Trà Phú, huyện Trà Bồng	Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế
74	Đề tài: Nghiên cứu sinh sản nhân tạo và nuôi thử nghiệm thương phẩm cá bống cát sông Trà (Glossogobius sparsipapillus) tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung
75	Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững cua Dẹp tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Lý Sơn

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
76	Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững Nhum sọ ở tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Lý Sơn
77	Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
78	Đề tài: Đánh giá, so sánh năng suất, chất lượng thịt và đề xuất giải pháp chăn nuôi hiệu quả cho các tổ hợp bò lai tại Quảng Ngãi làm cơ sở định hướng xây dựng thương hiệu thịt bò Quảng Ngãi	Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế
79	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quản lý ổn định môi trường nước trong ao nuôi tôm siêu thâm canh ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Công ty TNHH Khoa Học Nuôi Trồng Thủy Sản và Môi Trường SAEN
80	Dự án: Thực nghiệm mô hình chế biến mực xà (Sthenoteuthis oualaniensis) tại Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Công ty TNHH MTV Minh Quang
81	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nhanh các giống lúa (QNg6, QNg13 và QNg128) đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi
82	Nhiệm vụ: Tuyển chọn, nhân nhanh một số giống sắn mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ canh tác sắn bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi	Viện Di truyền Nông nghiệp
83	Dự án: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học công nghệ phục vụ canh tác, chế biến và tiêu thụ ớt hàng hóa theo chuỗi giá trị tại huyện Bình Sơn và vùng phụ cận	Công ty cổ phần dược và thiết bị y tế T.W.I
84	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi	Trường ĐH Nông lâm, Đại học Huế
85	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ khai thác, phát triển sản phẩm măng Vót theo chuỗi giá trị ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Sơn Tây
86	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ bản địa (gừng gió) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	Công ty TNHH Hoàng Linh Biotech
87	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh từ nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Quảng Ngãi	Công ty TNHH Trường Anh Thư
III	**Lĩnh vực khoa học kỹ thuật công nghệ**	
*****	**Nhiệm vụ cấp tỉnh**	
88	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật an toàn bức xạ và ứng phó sự cố (Cục An toàn bức xạ và hạt nhân)
89	Dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất báo in tại Báo Quảng Ngãi	Báo Quảng Ngãi
90	Dự án: Ứng dụng đồng bộ các thiết bị cơ khí trong sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ (Nay là Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KHCN)

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
91	Dự án SXTN: Thử nghiệm giải pháp kỹ thuật nhiệt phân để xử lý thu hồi dầu từ cặn dầu thải của nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty Cổ phần Cơ - điện - Môi trường Lilama (Lilama EME)
92	Dự án SXTN: Sản xuất tỏi đen từ tỏi Lý Sơn	Công ty cổ phần DORI
93	Đề tài: Nghiên cứu xác định thành phần dinh dưỡng từ các bộ phận cây lá gai xanh (Boehmeria spp.) để làm cơ sở cho việc chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc và phân hữu cơ vi sinh	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
94	Đề tài: Nghiên cứu chế tạo thiết bị hỗ trợ tập phục hồi chức năng chi dưới	Trường Đại học Phạm Văn Đồng
95	Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý hành-tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Lý Sơn
96	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục các nhược điểm của tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng
97	Đề tài: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo Robot hàn tự động 6 bậc	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất
98	Đề tài: Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại học Huế
IV	**Lĩnh vực khoa học y dược**	
*****	**Nhiệm vụ cấp tỉnh**	
99	Đề tài: Nghiên cứu một số đặc điểm về tầm vóc - thể lực, tình trạng bệnh tật của vị thành niên tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế Quảng Ngãi
100	Đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
101	Đề tài: Nghiên cứu một số bệnh học đường thường gặp ở học sinh cấp tiểu học tỉnh Quảng Ngãi và đề xuất các giải pháp phòng chống	Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
102	Đề tài: Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
103	Dự án: Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật điều trị trĩ bằng phương pháp Longo tại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
104	Đề tài: Điều tra hiện trạng và giá trị nguồn dược liệu ma-gang (măn-gan) ở tỉnh Quảng Ngãi làm cở sở quản lý, sử dụng, bảo tồn và phát triển bền vững	Viện Sinh học Nhiệt đới
105	Đề tài: Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp can thiệp cộng đồng phòng chống bệnh trầm cảm ở người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng
106	Đề tài: Nghiên cứu thực nghiệm mô hình trồng và tiêu thụ Đảng sâm, Khôi nhung ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi	Trung tâm Nghiên cứu trồng & chế biến cây thuốc Hà Nội - Viện Dược liệu
107	Đề tài: Nghiên cứu thực nghiệm mô hình liên kết trồng và tiêu thụ Tam thất bắc (Panax notoginseng (Burk F.H. Chen)) ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi	Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại
108	Đề tài: Xây dựng mô hình trồng, bảo tồn và phát triển cây dược liệu Bảy lá một hoa (Thất diệp nhất chi hoa) (Paris polyphilla) tại 3 huyện (Ba Tơ, Sơn Tây và Trà Bồng) tỉnh Quảng Ngãi	Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì
109	Đề tài: Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ cây dược liệu Đương quy (Angelica acutiloba (Sieb.Et Zucc) Kitagawwa) theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần VietRAP Đầu tư Thương mại
V	**Lĩnh vực khoa học tài nguyên, môi trường**	
*****	**Nhiệm vụ cấp tỉnh**	
110	Đề tài: Nghiên cứu những tác động biến đổi khí hậu đối với tỉnh Quảng Ngãi; đề xuất các giải pháp thích ứng và ứng phó	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường
111	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biển ven bờ huyện dảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Viện Hải dương học
112	Dự án: Hỗ trợ nhân rộng dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 trở lên để phục vụ người dân và tổ chức	Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi
113	Đề tài: Thiết kế và chế tạo máy cắt Plasma, Oxy CNC dạng trung bình.	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ Dung Quất (nay là Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất)

Phụ lục 4
Thống kê đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ
(từ nguồn ngân sách nhà nước và xã hội hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	Kinh phí được UBND tỉnh duyệt		Kinh phí thực hiện		Kinh phí xã hội hóa
	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KHCN	
2012	11,200	22,361	11,200	14,389	7,821
2013	9,500	24,380	9,500	16,335	18,399
2014	1,868	34,611	1,868	21,318	35,046
2015	7,000	24,580	5,164	17,825	38,080
2016	8,336	26,338	8,302	20,680	35,508
2017	473	20,379	473	18,621	49,255
2018	200	31,460	82	23,957	28,335
2019	9,000	33,438	3,360	25,455	31,771
2020	15,808	36,388	15,807	26,207	34,544
2021	794	30,463	644	21,520	18,119
Tổng cộng	**64,179**	**284,398**	**56,400**	**206,307**	**296,878**